

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 02/8/2019

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân
2. Bà Trần Bích Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Nguyễn Ngọc Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 671/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018; về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng T; địa chỉ: Phòng 615 nhà B2, Khu A, khu đô thị A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trương Thị D; địa chỉ: Phòng 615 nhà B2, Khu A, khu đô thị A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân thành phố Huế, nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng T trình bày:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàng T và chị Trương Thị D tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Nghệ An vào ngày 28/01/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà ở, đến tháng 10/2013 thì chuyển về ở tại nhà riêng (Địa chỉ: P615 nhà B2, khu A, KĐT A, phường X, TP Huế). Quá trình chung sống vợ chồng có hạnh phúc được năm năm, đến năm thứ sáu (2017) bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn là do chị D tự ý

viết đơn xin ly hôn vào ngày 28 tháng 11 năm 2017 mà không bạc bạc với anh T. Từ tháng 11 năm 2017 vợ chồng sống ly thân. Từ khi sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa, rất nhiều lần sau đó chị D tiếp tục thúc giục anh T ly hôn. Nay do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T xin được ly hôn chị D.

Tại bản tự khai ngày 22/01/2019 bị đơn chị Trương Thị D trình bày: Trước khi kết hôn anh T và chị D có thời gian tìm hiểu nhau 2 năm, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà ở tại đường P, thành phố H. Đến tháng 10/2013 thì chuyển về sống tại căn hộ 615 nhà B2, khu A, KĐT A, thành phố H. Tháng 10/2017 anh T đi Sài Gòn công tác đến tháng 11/2017 trở về H thì có biểu hiện thay đổi tính nết và chửi mắng vợ. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, anh Nguyễn Hoàng T ly thân (sống trong nhà nhưng ngủ riêng, nấu ăn riêng). Một tháng anh T chuyển cho chị D 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) để chăm lo các con. Nay anh T muốn ly hôn thì chị D cũng đồng ý ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện anh T giao hai con cho chị D nuôi dưỡng,

[2] Về con chung: Anh T và chị D có 2 con chung: Nguyễn Hoàng Bảo T (sinh ngày 29/03/2012) và Nguyễn Hoàng Khôi N (sinh ngày 31/10/2013).

Anh T xin được nuôi cả 02 con, yêu cầu chị D cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 cháu.

Chị D xin được nuôi 02 con, yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 cháu.

Cháu Nguyễn Hoàng Bảo T có nguyện vọng nếu ba mẹ ly hôn xin được ở với mẹ.

[3].Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét

[4].Về nợ chung:

Anh T trình bày: Vợ chồng có nợ 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) của chị Nguyễn Thị H (địa chỉ: số 05 ngõ 09 đường P, K, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An để mua căn hộ chung cư.

Chị D trình bày: Ngoài khoản vay của chị Hường, khi mua nhà vợ chồng còn vay của cháu chị D là Trương Thị Bích H (địa chỉ: xóm M, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An) số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T và chị D đã trả hết nợ cho chị H và chị H, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị D. Giao hai cháu Nguyễn Hoàng Bảo T và Nguyễn Hoàng Khôi N cho chị D nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

Về nợ chung: Anh T và chị D khai không có nên không xem xét.

Về án phí: Buộc anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 28/01/2011 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Nghệ An nên hôn nhân của anh T và chị D là hợp pháp.

Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng anh T và chị D phát sinh từ tháng 11/2017. Từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa, chị D đồng ý ly hôn với điều kiện anh T giao hai con cho chị D nuôi dưỡng, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T.

[2] Về con chung: Anh T, chị D đều có yêu cầu được nuôi hai con. Xét thấy, anh T làm việc tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Thương mại và Xuất nhập khẩu V, địa điểm làm việc tại P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. chị D là giảng viên của T Đại học P, địa điểm làm việc tại thành phố H. Cả hai anh chị đều có thu nhập ổn định, đều có điều kiện để chăm sóc con. Căn cứ quyền lợi về mọi mặt của các cháu và nguyện vọng của cháu T, nên giao cho anh T nuôi cháu Nguyễn Hoàng Khôi N, giao cho chị D nuôi cháu Nguyễn Hoàng Bảo T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[3]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

[4]. Về nợ chung: Anh T và chị D khai không có nên không xem xét.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng T

[1]. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Hoàng T được ly hôn chị Trương Thị D.

[2]. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh ngày 29/03/2012 cho chị Trương Thị D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Giao cháu Nguyễn Hoàng Khôi N, sinh ngày 31/10/2013 cho anh Nguyễn Hoàng T tiếp tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

[4]. Về nợ chung: Anh T và Chị D khai không có nên không xét.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Hoàng T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 006276 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Huế;
- TAND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- UBND xã Phong Thịnh,
Thanh Chương, Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hồng Vân